

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2021/HS-ST
Ngày 28/9/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Trường.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Thu Sang

Ông Tô Đình Trị

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Sen – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện T tham gia phiên tòa:* Bà Trương Hồng Bình -
Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HS ngày 15/9/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H - Tên gọi khác: không;

Giới tính: nữ;

Sinh ngày: 25/9/1984;

Nơi ĐKKHKT: thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 11/12;

Con ông: Võ Văn T và bà Huỳnh Thị N;

Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con đầu;

Họ và tên chồng: Nguyễn Duy T;

Bị cáo có 04 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2020;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Ngô Thị Thùy T, sinh năm: 1996.

Trú tại: Tổ 8, thôn T, xã Bình N, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Nguyễn Hoàng Liên, sinh năm: 2000.

Trú tại: Tổ 3, thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông Võ Văn Hà, sinh năm: 1983.

Trú tại: Khu p, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm: 1996.

Trú tại: Khu p, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị H từng có thời gian làm công nhân tại Cụm công nghiệp H – Chợ Đ thuộc thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam nên H biết khi công nhân ra khỏi cổng Công ty thì bảo vệ sẽ kiểm tra cốp xe và có những trường hợp sau khi kiểm tra thì không khóa cốp xe lại. Do đó, vào khoảng 18 giờ ngày 11/6/2021, sau khi bán xoa xoa ở Chợ H đi quanh khu vực chợ tìm xe mô tô nào quên khóa yên xe thì sẽ trộm cắp tài sản. Lúc này, chị Ngô Thị Thùy T điều khiển xe mô tô Air Blade BKS 92H1 – 637.57 đi tới, chị T để xe mô tô 92H1 – 637.57 phía trước, bên trong cốp xe có 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus 128GB màu đen rồi chị T đi vào chợ. Khi Nguyễn Thị H đi đến phát hiện xe mô tô 92H1-637.57 của chị T không khóa cốp nên H lại gần kéo yên xe lên, nhìn thấy điện thoại Iphone 7 Plus 128GB của chị T thì liền lấy bỏ vào túi quần rồi rời đi. Sau khi lấy trộm điện thoại, H đem điện thoại trên đến tiệm điện thoại A gặp anh Võ Văn H nhờ mở khóa. Chiều ngày 12/6/2021, H đến tiệm A lấy điện thoại Iphone 7 Plus 128GB đã được mở khóa rồi đem sang tiệm điện thoại H bán cho anh Nguyễn Hoàng N với giá 4.000.000 đồng. Chiều cùng ngày, anh N bán điện thoại trên cho một người đàn ông không rõ lai lịch với giá 4.800.000 đồng.

Tiếp tục vào khoảng 18 giờ ngày 15/6/2021, Nguyễn Thị H nhìn thấy xe mô tô Air Blade biển kiểm soát 92H1-726.23 của chị Hoàng Thị L để trước chợ, H thấy xe của chị L không khóa cốp và không có ai trông coi nên thò tay vào trong lấy được một ví da màu nâu thì bị anh Huỳnh Tấn T và anh Huỳnh Đức V bắt quả tang, báo cho Công an xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam đến làm việc và lập biên bản. Qua kiểm tra bên trong ví da không có tài sản gì.

Bản kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐG ngày 27/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T xác định giá trị điện thoại di động Iphone 7 Plus 128GB mà Nguyễn Thị H trộm của chị Ngô Thị Thùy T là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Bản kết luận định giá tài sản số 48/KL-HĐĐG ngày 25/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T xác định giá trị ví da màu nâu đất mà Nguyễn Thị H trộm của chị Hoàng Thị L là 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng).

Bản cáo trạng số: 50/CT-VKS ngày 14/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình do vậy bản cáo trạng đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội nên đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm b, h, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp

dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* **Về trách nhiệm dân sự:** Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị hại không yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Chị Hoàng Thị L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Tại phiên Tòa bị cáo Nguyễn Thị H thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Nguyễn Thị H thấy việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Thị H có hành vi: Vào khoảng 18 giờ 15 phút ngày 11/6/2021, tại Chợ tạm thuộc thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, Nguyễn Thị H đã trộm cắp một điện thoại di động Iphone 7 Plus 128GB màu đen của chị Ngô Thị Thùy T trong cốp xe mô tô Air Blade BKS 92H1 – 637.57. Giá trị điện thoại Iphone 7 Plus 128GB màu đen của chị T bị chiếm đoạt là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, như bản cáo trạng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của công dân đều được xử lý nghiêm minh. Bị cáo Nguyễn Thị H có đầy đủ năng lực hành vi, có đủ sức khỏe để lao động tạo ra của cải vật chất, nhưng chỉ vì đua đòi ăn chơi, thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác nên bị cáo đã lao vào con đường phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật nên trong lúc lượng hình cần phải xử lý bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ lỗi, hậu quả của vụ án nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Bị cáo Nguyễn Thị H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối

cải; hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn nhất định; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội gây thiệt hại không lớn; bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo tự thú khai nhận hành vi phạm tội nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, h, i, r, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát.

Xét thấy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao về chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý giáo dục là thỏa đáng.

[4] Phần dân sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

Chị Hoàng Thị L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Đối với hành vi của Nguyễn Thị H lấy trộm ví da của chị Hoàng Thị L vào ngày 15/6/2021, giá trị tài sản 20.000 đồng và không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS nên hành vi của H không cấu thành tội phạm. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã có Công văn đề nghị Công an huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là thỏa đáng;

- Quá trình điều tra xác định anh Võ Văn H và anh Nguyễn Hoàng N không biết điện thoại di động Iphone 7Plus 128GB mà Nguyễn Thị H đem nhờ mở khóa và bán là do trộm cắp mà có nên không có cơ sở để xử lý là có căn cứ.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

[7] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp nếu người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng y) án phí HSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (trong phạm vi quyền hạn của mình) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam
- VKS nhân dân tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện T.
- THADS huyện T
- Những người TGTT.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)